

Bản án số: 77/2019/HS-ST
Ngày: 11-6-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Trí.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Sơn Tây;

Ông Tống Văn Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Lài, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh B tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Ngọc Ái, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 71/2019/TLST-HS ngày 17 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2019/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 5 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Mai Quốc T, sinh năm 1997; nơi sinh: Đ; hộ khẩu thường trú: Ấp Tân T, xã Tân H, huyện T, tỉnh Đ; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Văn D và bà Nguyễn Thị H; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05-10-2018 đến nay; có mặt.

2. Hồ Văn Đ, sinh năm 1998; nơi sinh: S; hộ khẩu thường trú: Ấp Mương K, xã Thiện M, huyện Châu T, tỉnh Sóc T; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Vũ H và bà Huỳnh Thị H; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05-10-2018 đến nay; có mặt;

- Bị hại: Bà Lê Thị Bé T, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ 2, khu phố Phước T, phường Thái H, thị xã T, tỉnh B; có mặt;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Lê Thị Diễm P, sinh năm 1997; địa chỉ: Khu phố Bình Phước B, phường Bình C, thị xã T, tỉnh B; có mặt.
- *Người làm chứng:* Ông Phạm Hồng C và ông Nguyễn Văn T; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Mai Quốc T, Hồ Văn Đ và Lê Thị Diễm P là bạn với nhau.

Khoảng 21 giờ ngày 04-10-2018, P điều khiển xe mô tô biển số 67M1 – 261.03 đi đến phòng trọ của T tại khu phố 1B, phường A, Thị xã T, tỉnh B chơi. Lúc này Đ cũng đang chơi tại phòng trọ của T. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, T, Đ, P đến nhà nghỉ Nghiêm Ngân tại phường An P, thị xã T thuê phòng nghỉ qua đêm. T và P ở chung một phòng, Đ ở riêng một phòng.

Đến khoảng 06 giờ ngày 05-10-2018, do cần tiền để tiêu xài nên T nảy sinh ý định đi tìm tài sản để cướp giật bán lấy tiền. Thực hiện ý định, T bảo P đợi tại nhà nghỉ rồi sang phòng của Đ và nói “đi làm không”, Đ hỏi “đi đâu”, T trả lời “đi giật đồ”. Do đang cần tiền để tiêu xài nên Đ đồng ý. T điều khiển xe mô tô biển số 67M1-261.03 chở Đ đến phường T, thị xã T để tìm tài sản cướp giật. Đến khoảng 07 giờ cùng ngày, khi đi đến đoạn đường ĐH402 thuộc khu phố K, phường T, thị xã T, tỉnh B, T nhìn thấy bà Lê Thị Bé T điều khiển xe mô tô hiệu Honda Vision, biển số 95E1-107.34 đang dừng trước cổng trường tiểu học Tân Phước K, trong học đựng đồ phía trước bên trái có 01 điện thoại di động màu đỏ nên nói cho Đ biết dừng xe lại. Lúc này, Đ nói “để tao chạy cho”, thì T đồng ý. Khi thấy bà Th vừa nổ máy xe chạy về hướng cây xăng H được khoảng 50m, lúc này Đ liền điều khiển xe chạy theo và áp sát vào bên trái xe của bà Th, để T chồm người sang dùng tay phải giật điện thoại của bà Th, sau đó Đ tăng ga chạy về hướng cây xăng H. Sau khi bị giật điện thoại, bà Th đuổi theo và tri hô. Nghe tri hô, ông Nguyễn Văn T và ông Phạm Hồng C đang ở gần đó nhìn thấy nên chạy ra hỗ trợ. Do thấy bị truy đuổi nên Đ điều khiển xe rẽ vào một con hẻm nhưng do rẽ quá gấp nên bị ngã. T và Đ liền đứng dậy chạy bộ thì bị ông Thuận và ông Công đuổi kịp và bắt giữ giao cho Công an phường T, thị xã T, tỉnh B.

Sau khi tiếp nhận đối tượng, Công an phường T lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và tạm giữ vật chứng, đồ vật, tài liệu có liên quan gồm: 01 điện thoại di động OPPO A3S, màu đỏ của bị hại; 01 xe mô tô hiệu Yamaha, Luvias, biển số 67M1-261.03 và chứng minh nhân dân tên Mai Quốc T.

Theo bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 245/KLTS - TTHS ngày 12-10-2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thị

xã Tân Uyên kết luận: 01 điện thoại di động hiệu OPPO A3s, màu đỏ đã qua sử dụng tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 3.321.000 đồng.

Ngày 25 - 01 – 2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Tân Uyên đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại điện thoại di động cho bà Th. Bà Th không có yêu cầu gì khác về trách nhiệm dân sự.

Đối với xe mô tô biển số 67M1-261.03, quá trình điều tra xác định do bà Nguyễn Thị S; thường trú: ấp T, xã V, huyện T, tỉnh A) đứng tên chủ sở hữu. Tuy nhiên, hiện nay không rõ bà S đang làm gì ở đâu. Cơ quan cảnh sát điều tra đã thông báo truy tìm chủ sở hữu nhưng không có kết quả. Bà P khai bà Nguyễn Thị S là mẹ chồng giao xe này cho bà quản lý, việc hai bị cáo sử dụng xe để thực hiện hành vi phạm tội bà P không biết.

Bản Cáo trạng số 76/CT-VKSTU ngày 13-5-2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh B đã truy tố hai bị cáo Mai Quốc T và Hồ Văn Đ về tội Cướp giật tài sản theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị như sau:

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, 38 và 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Mai Quốc T mức hình phạt từ 04 đến 05 năm tù.

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, 38 và 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hồ Văn Đ mức hình phạt từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

- Về xử lý vật chứng: Giao xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Luvias mang biển số: 67M1-261.03 cho Cơ quan cảnh sát điều tra xử lý theo thẩm quyền, trả lại cho bị cáo Mai Quốc T giấy chứng minh nhân dân.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên và không có ý kiến gì trong phần tranh luận. Lời nói sau cùng, các bị cáo nhận thấy hành vi của mình là sai trái, ăn năn hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Tân Uyên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các

bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, hai bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội. Lời khai của hai bị cáo trước sau đều thống nhất với nhau và phù hợp với biên bản bắt giữ người có hành vi phạm tội quả tang do Công an phường Tân Phước Khánh lập lúc 10 giờ 00 phút ngày 05-10-2018 và lời khai của bị hại về thời gian, địa điểm phạm tội và tài sản bị chiếm đoạt đã thu giữ. Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa cho thấy hành vi giật lấy tài sản của người khác một cách công khai của hai bị cáo đã phạm vào tội Cướp giật tài sản. Tài sản bị chiếm đoạt là chiếc điện thoại di động hiệu OPPO A3s, màu đỏ đã qua sử dụng có giá trị 3.321.000 đồng. Khi thực hiện tội phạm, hai bị cáo sử dụng xe mô tô áp sát bị hại để giật tài sản là có thủ đoạn nguy hiểm nên đã phạm vào điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên truy tố hai bị cáo như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, mặt khác còn gây mất an ninh, trật tự tại địa P, gây hoang mang, lo sợ trong quần chúng nhân dân nơi xảy ra vụ án. Hai bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự nên phải biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì tham lam và vì động cơ tư lợi nên đã cố ý phạm tội. Ngoài ra, hai bị cáo cũng nhận thức được hành vi sử dụng xe mô tô để giật tài sản của người đang ngồi trên xe mô tô lưu thông trên đường là gây nguy hiểm cho tính mạng, sức khỏe của họ. Do đó, cần có mức hình phạt nghiêm khắc để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Trong vụ án này, hai bị cáo phạm tội với hình thức đồng phạm giản đơn. Bị cáo T là người khởi xướng, rủ rê và trực tiếp giật điện thoại của bị hại. Vì vậy, hình phạt của bị cáo phải cao hơn bị cáo Đ.

[5] Hai bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hai bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi trả cho bị hại và bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên đề nghị xử phạt bị cáo Hồ Văn Đ mức án như trên là phù hợp với tính chất, mức độ tội phạm và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Riêng đối

với hình phạt của bị cáo T là cao nên cần xử mức án nhẹ hơn đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu gì về dân sự nên không xem xét.

[9] Về xử lý vật chứng: Xe mô tô biển số 67M1-261.03 do bà Nguyễn Thị So (thường trú: Ấp T, xã V, huyện T, tỉnh A) đứng tên chủ sở hữu nhưng hiện nay không rõ bà So đang ở đâu. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thực hiện đầy đủ các thủ tục thông báo truy tìm chủ sở hữu đến nay hết thời hạn theo quy định vẫn chưa có kết quả. Trong khi đó, bà P khai bà Nguyễn Thị S là mẹ chồng, giao cho bà xe này quản lý sử dụng từ năm 2015. Bà P không có lỗi trong việc để hai bị cáo sử dụng xe làm P tiện phạm tội nên cần trả lại cho bà P tiếp tục quản lý sử dụng.

[10] Về án phí sơ thẩm: Hai bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 38 và 58 Bộ luật Hình sự; Điều 106; Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1- Tuyên bố hai bị cáo Mai Quốc T và Hồ Văn Đ phạm tội Cướp giật tài sản.

2- Về trách nhiệm hình sự:

2.1. Xử phạt bị cáo Mai Quốc T 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 05-10-2018.

2.2. Xử phạt bị cáo Hồ Văn Đ 03 (Ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 05-10-2018.

3- Về xử lý vật chứng:

Trả lại cho bà Lê Thị Diễm P 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Luvias mang biển số: 67M1-261.03, số máy 1SK1018322, số khung RLCL1SK10EY018318, không kính chiếu hậu, không kiểm tra máy bên trong;

Trả lại cho bị cáo Mai Quốc T 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Mai Quốc T.

(Biên bản giao nhận vật chứng ngày 15-5-2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh B).

4- Về án phí sơ thẩm: Buộc hai bị cáo Mai Quốc T, Hồ Văn Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nếu vắng mặt, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- PV06, Công an tỉnh B;
- Sở Tư pháp tỉnh B;
- VKSND thị xã T;
- Công an thị xã T;
- Chi cục THADS thị xã T;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, VT

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Trí